TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 361/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2022
v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 186/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Anh T - Sinh năm 1983 (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Đặng Thanh C - Sinh năm 1977 (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do)

Cùng địa chỉ: K195/8 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Thanh C tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn,vợ chồng chung sống tại địa chỉ: K195/26 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Năm 2021, khi ba mẹ bà xây nhà xong thì vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: K195/8 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp tính tình quan điểm sống, ông Đặng Thanh C thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, đánh đập vợ. Từ tháng 9/2021, ông C đã bỏ đi không chung sống với bà nữa. Bà xác định mâu

thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Thanh C .

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Đặng Chí B - Sinh ngày: 16/3/2013 và cháu Đặng Phương T1 - Sinh ngày: 03/4/2006. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Đặng Thanh C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Bà Trần Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà Trần Anh T xác định vợ chồng không có.

Đối với bị đơn ông Đặng Thanh C : Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý vụ án; thông báo về thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử nhưng ông Đặng Thanh C vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Anh T .

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Anh T đối với ông Đặng Thanh C .

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đặng Chí B - Sinh ngày: 16/3/2013 và cháu Đặng Phương T1 - Sinh ngày: 03/4/2006 cho bà Trần Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Trần Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Trần Anh T xác định vợ chồng không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Anh T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2022 thì nguyên đơn khởi kiện đối với ông Đặng Thanh C để xin ly hôn và

nuôi con. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[1.2] Bị đơn ông Đặng Thanh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Thanh C .

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Anh T và ông Đặng Thanh C tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 02/01/2004. Do đó, hôn nhân giữa ông Đặng Thanh C và bà Trần Anh T là hợp pháp, được nhà nước công nhận và B vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Anh T , HĐXX nhận thấy: Sau khoảng thời gian sống chung vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình quan điểm sống. Trong quá trình thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của bà Trần Anh T , theo xác minh ở địa phương nơi vợ chồng ông Đặng Thanh C và bà Trần Anh T sinh sống thì vợ chồng có cãi vã nhau và ông Đặng Thanh C đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 11/2021. Do đó, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng yêu cầu ông Đặng Thanh C về giải quyết việc ly hôn với bà Trần Anh T nhưng ông Đặng Thanh C vẫn không về và không có liên lạc gì. Việc ông Đặng Thanh C bỏ đi khỏi địa phương và cắt đứt mọi thông tin liên lạc với bà Trần Anh T thể hiện ông Đặng Thanh C không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Trần Anh T . Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Trần Anh T và ông Đặng Thanh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Trần Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Anh T được ly hôn với ông Đặng Thanh C .

[2.2] Về con chung: Bà Trần Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Chí B - Sinh ngày: 16/3/2013 và cháu Đặng Phương T1 - Sinh ngày: 03/4/2006. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy: Tại Biên bản xác minh ở nơi cư trú của ông Đặng Thanh C và bà Trần Anh T thể hiện: Hiện nay cháu Đặng Chí B và cháu Đặng Phương T1 đang ở cùng bà Trần Anh T . Đồng thời, Tại Bản tự khai của các cháu B và T1 thể hiện các cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc giao 02 con chung cho bà Trần Anh T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đảm B quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống và phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu T1 . Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Trần Anh T về việc giao con chung cháu Đặng Chí B và cháu Đặng Phương T1 cho bà Trần Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà T

không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần T1 ết, ông Đặng Thanh C và bà Trần Anh T đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trần Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trần Anh T xác định vợ chồng không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Anh T đối với ông Đặng Thanh C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Anh T được ly hôn với ông Đặng Thanh C. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 02/01/2004 tại UBND phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung:

Giao con chung Đặng Chí B - Sinh ngày: 16/3/2013 và Đặng Phương T1 - Sinh ngày: 03/4/2006 cho bà Trần Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đặng Thanh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001905 ngày 27/5/2022 của Chi cục T1 hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được T1 hành theo quy định tại Điều 2 Luật T1 hành án dân sự thì người được T1 hành án dân sự, người phải T1 hành án dân sự có quyền thỏa thuận T1 hành án, quyền yêu cầu T1 hành án, tự nguyện T1 hành án hoặc bị cưỡng chế T1 hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T1 hành án dân sự.Thời hiệu T1 hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T1 hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Thuận Phước;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền